

Số: 134 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần xây lắp và khai thác mỏ Bình Sơn là nhà thầu thi công dự án xây dựng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2

Thực hiện Quyết định số 222/QĐ-TTr ngày 12/5/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại các doanh nghiệp là nhà thầu thi công dự án xây dựng khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, ngày 07/6/2023, Đoàn thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần xây lắp và khai thác mỏ Bình Sơn.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 19/6/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần xây lắp và khai thác mỏ Bình Sơn (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300836120 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/4/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 22/5/2023.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: xây dựng nhà, công trình, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, phá dỡ, san lấp mặt bằng, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.

- Điện thoại giao dịch: 024.3636.9248.

- Trụ sở chính: số 62, ngõ 44 Tư Đình, Phường Long Biên, Quận Long Biên, TP Hà Nội, Việt Nam.

- Số tài khoản 7671122686868 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ.

2. Thông tin hạng mục gói thầu thi công

- Tên gói thầu: hạ độ cao nền phục vụ thi công dây chuyền công nghệ HRC-C; HRC-E; NMLT.

+ Giá trị hợp đồng: 143.985.848.556 đồng.

+ Ngày khởi công: 01/04/2022.

+ Thời gian thi công dự kiến: 425 ngày.

- Tên gói thầu: thi công hạ độ cao Đông Lỗ 1 theo ranh mốc M1, M2, M3, M4, M5.



- + Giá trị hợp đồng: 123.621.030.836 đồng.
- + Ngày khởi công: 20/08/2022.
- + Thời gian thi công dự kiến: 284 ngày.
- Tên gói thầu: thi công hạ độ cao đồi Đông Lỗ 2- KV1- KV2.
- + Giá trị hợp đồng: 153.752.309.612 đồng.
- + Ngày khởi công: 30/11/2022.
- + Thời gian thi công: 197 ngày.
- Ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất.
- Địa chỉ ban điều hành tại hiện trường: thôn Phước Hòa, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
- Việc ký hợp đồng với nhà thầu phụ: doanh nghiệp ký hợp đồng với các nhà thầu phụ gồm Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Mạnh Quang Anh, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thủy Dung, Công ty Cổ phần thương mại Mặt Trời, Công ty TNHH MTV dịch vụ thương mại Tuấn Nhung, Công ty TNHH MTV Thương Mại và dịch vụ XL Nguyên Phát, Công ty TNHH MTV An Hãn Phát, Công ty TNHH MTV Đuốc Sáng, Công ty TNHH MTV Vận tải và Thương mại 136, Công ty TNHH DV và XD Trung Nam.
- Số người lao động của doanh nghiệp đang làm việc tại công trường: 55 người.

3. Trách nhiệm quản lý, điều hành các nhà thầu phụ trong công tác an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp

- Đã xây dựng các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và phương tiện ra vào công trường, tập kết và xử lý chất thải xây dựng phù hợp.
- Đã thành lập bộ phận giám sát an toàn chung và đề ra biện pháp bảo đảm an toàn lao động khi có nhiều đơn vị cùng thi công trên một công trường.
- Đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện các biện pháp thi công và biện pháp an toàn của các nhà thầu phụ.

* Doanh nghiệp thực hiện công việc khoan nổ mìn, hạ độ cao mặt bằng; các đơn vị thầu phụ thực hiện công tác xúc bốc, vận chuyển.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: không.
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 55 người.
- Số người đã ký giao kết đồng lao động 55 người, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 02 người.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 53 người.
- Số người lao động thuê lại: không phát sinh.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: không.
- Nội dung hợp đồng lao động: kiểm tra 10 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động, mục công việc phải làm ghi “theo sự phân công của trưởng đơn vị/bộ phận”.

2. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Đã thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần.
- Đã bố trí người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.
- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định.
- Đã thực hiện việc nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng theo đúng quy định của pháp luật.
- Đã thực hiện ngày nghỉ hằng năm đối với lao động làm công việc trong điều kiện bình thường là 12 ngày/năm; lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày/năm; lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 16 ngày/năm (chưa tính thâm niên).

3. Tiền lương và trả công lao động

- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: trả lương theo thời gian.
- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- Mức lương thấp nhất: 3.640.000 đồng/người/tháng, cao nhất: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- Doanh nghiệp đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 30.000 đồng/người/ca. Các khoản bổ sung khác: không phát sinh.
- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ cho người lao động.
- Tiền lương làm việc vào ban đêm: không phát sinh.

4. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (Số liệu tính tại thời điểm thanh tra, đối với người lao động làm việc tại công trường)

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp: 55 người; số người đã tham gia: 55 người.
- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho người lao động là mức lương, phụ cấp lương ghi trên hợp đồng lao động.

5. Quy định chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 38 người.
- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 02 người; số người làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 07 người.
- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên. Tuy nhiên, chưa ban hành quy chế hoạt động mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.
- Số người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 03 người (làm việc theo chế độ chuyên trách).
- Đã bố trí 01 người làm công tác y tế (trình độ cao đẳng) và chủ đầu tư đã bố trí bộ phận y tế phục vụ công tác y tế chung cho toàn bộ các nhà thầu tại công trường.
- Đã cấp phát đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Người lao động sử dụng đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc. Tuy nhiên, biện pháp đảm bảo an toàn lao động có nội dung chưa phù hợp với quy định, cụ thể: quy định việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân theo thông tư 04/2014/TT-BLĐTBXH đã hết hiệu lực thi hành.

- Đã bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động nguy hiểm, độc hại theo quy định.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động. Lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được khám ít nhất 06 tháng một lần.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động. Tuy nhiên, còn túi sơ cứu chưa đủ số lượng dụng cụ (garo, gạc thấm nước, panh không máu trắng, nẹp).

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp sử dụng 02 máy, vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (máy nổ mìn điện) đã được kiểm định.

- Số vụ tai nạn lao động trong thời kỳ thanh tra tại công trường: không.

6. An toàn lao động, vệ sinh lao động trong lĩnh vực xây dựng

6.1. Những quy định chung

- Đã lập và thực hiện các biện pháp an toàn khi thi công.

- Đã lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình.

- Lập và ghi sổ nhật ký an toàn lao động tại công trình: không phát sinh.

- Rào chắn, biển cảnh báo để ngăn ngừa xâm nhập trái phép: không phát sinh (do chủ đầu tư đã thực hiện).

- Đã lắp đặt hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại.

- Đã xây dựng trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động.

- Đã dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường.

- Xếp đặt các thiết bị, dụng cụ tại công trình: nhà thầu phụ thực hiện.

- Đã thiết lập, kiểm soát vùng nguy hiểm, vùng nguy hại.

- Đã bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc.

6.2. Công tác an toàn điện

Không phát sinh.

6.3. Thang và giàn giáo

Không phát sinh.

6.4. Công tác hàn

Không phát sinh

6.5. Công tác đào, đắp đất đá

Không phát sinh.

6.6. Kết cấu chống đỡ tạm

Không phát sinh.

6.7. Ván khuôn và thi công bê tông

Không phát sinh.

6.8. Làm việc trên cao

Không phát sinh.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện trong thời kỳ thanh tra: không phát sinh.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã ký hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải ký kết hợp đồng lao động.

1.2. Thực hiện thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 08 giờ/ngày và không quá 48 giờ/tuần.

1.3. Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân một tháng ít nhất 04 ngày.

1.4. Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định.

1.5. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

1.6. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.7. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ cho người lao động.

1.8. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho toàn bộ những người thuộc đối tượng phải tham gia.

1.9. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

1.10. Đã bố trí người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định.

1.11. Đã bố trí người làm công tác y tế để chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

1.12. Đã cấp phát đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Người lao động sử dụng đủ phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc.

1.13. Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.14. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.

1.15. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động.

1.16. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.17. Doanh nghiệp sử dụng 02 máy, vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (máy nổ mìn điện) đã được kiểm định

1.18. Trong thời kỳ thanh tra, tại công trường không để xảy ra tai nạn lao động.



1.19. Đã lập các biện pháp an toàn khi thi công; lập và ghi sổ nhật ký thi công xây dựng công trình; lắp đặt hệ thống chiếu sáng phục vụ thi công ban đêm ngoài trời, đường ra vào nơi làm việc và những khu vực có người đi lại; xây dựng công trình phục vụ các nhu cầu về sinh hoạt, vệ sinh cho người lao động; dọn dẹp chất thải, phế liệu trên công trường; xếp đặt các thiết bị, dụng cụ tại công trình gọn gàng, đảm bảo quy định; bố trí đường tạm và đường tiếp cận nơi làm việc.

2. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Hợp đồng lao động ghi chung chung: mục công việc phải làm ghi “theo sự phân công của trưởng đơn vị/bộ phận” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, hướng dẫn tại Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2. Chưa ban hành quy chế hoạt động mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.3. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động có nội dung chưa phù hợp với quy định, cụ thể: quy định việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân theo Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã hết hiệu lực thi hành.

2.4. Túi sơ cứu chưa đủ số lượng dụng cụ (garo, gạc thấm nước, panh không mâu thẳng, nẹp) quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Kết luận này, doanh nghiệp phải khắc phục các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nêu tại Phần 2 Mục III, đồng thời báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện (gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận: *Đ*

- Doanh nghiệp (đề t/h);
- Chánh thanh tra (đề b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Lê Hữu Long